QUYỀN NĂNG CỦA ÂN SỦNG

(VỀ HÔN NHÂN BẤT KHẢ PHÂN LY VÀ CUỘC TRANH LUẬN VỀ NHỮNG NGƯỜI LI DỊ TÁI HÔN DÂN SỰ VÀ VIỆC LÃNH NHẬN CÁC BÍ TÍCH)

TGM. Gerhard Ludwig Müller
Lm. Luy Nguyễn Anh Tuấn chuyển ngữ

SAU KHI CÔNG BỐ TRIỆU TẬP ĐẠI HỘI CHUNG NGOẠI THƯỜNG CỦA THƯỢNG HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VÀO THÁNG MƯỜI 2014 VỀ CHĂM SÓC MỤC VỤ CHO GIA ĐÌNH, NGƯỜI TA THẤY NỔI LÊN NHỮNG BÀN TÁN VỀ VẤN ĐỀ CÁC TÍN HỮU ĐÃ LI DỊ TÁI HÔN (VỀ MẶT DÂN SỰ) CÓ ĐƯỢC LÃNH NHẬN CÁC BÍ TÍCH HAY KHÔNG. ĐỂ GÓP PHẦN TÌM HIỂU SÂU HƠN ĐỀ TÀI CẤP BÁCH NÀY VÀ ĐỂ CÁC VỊ MỤC TỬ DẪN DẮT ĐÀN CHIÊN MÌNH CÁCH TỐT HƠN VÀ HƯỚNG DẪN HỌ SAO CHO PHÙ HỢP VỚI CHÂN LÝ CỦA GIÁO THUYẾT CÔNG GIÁO, CHÚNG TÔI XIN GIỚI THIỆU BÀI VIẾT ĐỀ NGÀY 23 THÁNG 10 NĂM 2013 CỦA ĐỨC TỔNG GIÁM MỤC BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN SAU ĐÂY.

Vấn đề liên quan đến những người tín hữu, sau khi li dị, đã dấn thân vào một hôn phối dân sự mới, không phải là mới mẻ. Hội thánh luôn xem đây là một vấn đề rất quan trọng và có hướng giúp đỡ những người đang ở trong hoàn



cảnh này. Hôn nhân là một bí tích chi phối một cách hết sức sâu xa con người trong những hoàn cảnh cá nhân, xã hội và lịch sử. Vì ngày càng có nhiều người trong những nước có truyền thống kitô giáo cổ xưa bị vấn đề này chi phối, vấn đề mục vụ trở nên thật ý nghĩa trên nhiều mặt. Ngày nay, ngay cả những tín hữu vững vàng cũng thật sự băn khoăn: Hội thánh không thể chấp nhận cho những người li dị tái hôn lãnh nhận bí tích với một số điều kiện nào đó hay sao? Phải chăng Hội thánh luôn luôn bị trói buộc trước vấn đề này? Các nhà thần học đã thực sự điều tra khảo sát hết mọi hệ lụy của vấn đề này?

Những câu hỏi cần phải có lời giải đáp thích đáng phù hợp với giáo lý Công giáo về hôn nhân. Một hướng mục vụ có trách nhiệm phải được đặt nền tảng trên một nền thần học bày tỏ "sự quy phục hoàn toàn của trí và tâm đối với Thiên Chúa Đấng mạc khải, đồng thời sẵn lòng chấp thuận chân lý do Ngài mạc khải" (*Dei Verbum* 5). Để giúp mọi người

hiểu được giáo lý chân thực của Hội thánh, chúng ta phải khởi đi từ Lời Chúa trong Thánh kinh, được giải thích cụ thể trong Thánh Truyền và được Huấn quyền diễn giải một cách nhất thống.

CHỨNG TỪ CỦA THÁNH KINH

Tìm kiếm trong Cựu ước câu trả lời cho vấn đề của chúng ta không phải là dễ dàng, bởi vì thời đó hôn nhân chưa được xem là một bí tích. Tuy nhiên, Lời Chúa trong Cựu ước vẫn rất có ý nghĩa đối với chúng ta, vì Chúa Giêsu cũng thuộc truyền thống này và Người lập luận cũng trên cơ sở của truyền thống này. Trong Thập Giới, ta thấy có giới răn "ngươi chớ ngoại tình" (*Xh* 20,14), nhưng ở chỗ khác thì li dị lại được trình bày như là một trường hợp được phép. Theo *Đnl* 24,1–4, Môsê tuyên bố người chồng có thể trao cho vợ mình tờ ly thư và đuổi ra khỏi nhà mình, nếu người này không còn đẹp lòng chồng nữa. Sau đó, cả người chồng lẫn người vợ đều có thể xây dựng một hôn nhân mới. Nhưng Cựu ước cũng đề ra một số trường hợp dự phòng bổ túc điều luật cho phép li dị này. Các tiên tri, khi so sánh Giao ước của Thiên Chúa với dân Israel và giao ước hôn nhân, đã rút ra kết luận: lý tưởng là hôn nhân một vợ một chồng (đơn hôn) và bất khả phân ly (vĩnh hôn). Tiên tri Malakhi diễn tả điều này một cách rõ ràng: "Ngươi chớ phản bội người vợ ngươi đã kết ước trong tuổi thanh xuân" (*Ml* 2,14–15).

Đặc biệt nhất, cuộc tranh luận giữa Chúa Giêsu và những người Pharisêu là cơ hội để Người bộc lộ sứ điệp về chủ đề này. Người dứt khoát tách mình khỏi quan điểm Cựu ước về việc li dị mà Môsê đã cho phép vì "lòng chai dạ đá" của con người và Người chỉ cho thấy ý định nguyên thủy của Thiên

Chúa: "thuở ban đầu Thiên Chúa đã tạo dựng họ có na có nữ. Bởi thế, người đàn ông lìa bỏ cha mẹ mà ... cả hai nên một xương một thịt. Vậy điều gì Thiên Chúa đã kết hợp con người không được phân ly" (*Mc* 10,5–9; x. *Mt* 19,4–9; *Lc* 16,18). Hội thánh Công giáo luôn đặt cơ sở giáo thuyết và thực hành của mình trên những lời này của Đức Giêsu về hôn nhân bất khả phân ly. Dây liên kết nội tại hai vợ chồng với nhau do chính Thiên Chúa tạo lập. Dây hôn ước ấy là một thực tại phát sinh từ Thiên Chúa và do đó, con người không thể dụng công nó cách tùy tiện.

Một số nhà chú giải Thánh kinh ngày nay nhìn sự việc theo quan điểm là vào thời các Tông đồ những lời này của Chúa cũng chỉ được áp dụng với nhiều uyển chuyển. Đáng chú ý là trường hợp *porneia* / gian dâm (x. *Mt* 5,32; 19,9) và trường hợp một người kitô hữu và một người bạn đời không kitô hữu li hôn (x. *1Cr* 7,12–15). Các đoạn câu có chữ *porneia* tự ban đầu đã là đề tài tranh cãi quyết liệt giữa các nhà chú giải. Nhiều người chọn quan điểm cho rằng câu nói ấy không có ý nói đến một trường hợp ngoại lệ nào của dây hôn phối bất khả phân ly, nhưng ám chỉ những trường hợp những cặp sống chung như vợ chồng trái phép. Tuy nhiên, Hội thánh không thể xây dựng giáo thuyết và đường lối thực hành của mình trên cơ sở những giả thuyết của khoa chú giải còn đang gây tranh luận. Hội thánh phải trung thành với giáo huấn rõ rệt của Chúa Kitô.

Thánh Phaolô trình bày lệnh cấm li dị như là ý muốn của Chúa Kitô: "Với những người đã kết hôn, tôi ra lệnh này, không phải tôi, mà là Chúa: vợ không được bỏ chồng, mà nếu đã bỏ chồng, thì phải ở độc thân hoặc phải làm hòa với chồng; và chồng cũng không được rẫy vợ" (*1Cr* 7,10–11). Đồng thời, trong quyền hạn riêng của mình, ngài cho phép

người ngoại đạo nếu muốn bỏ người vợ hay chồng có đạo thì cứ bỏ. Trong trường hợp đó, người có đạo "không bị ràng buộc" phải cứ ở độc thân (*1Cr* 7,12–16). Dựa trên đoạn Thánh kinh đó, Hội thánh đã nhận ra rằng chỉ hôn nhân giữa một người nam đã chịu phép rửa và một người nữ đã chịu phép rửa mới là một bí tích đúng nghĩa, và như thế chỉ trong trường hợp này tính bất khả phân ly vô điều kiện của hôn nhân mới được áp dụng. Thật ra, hôn nhân của người ngoại đạo cũng được đặt định bất khả phân ly, nhưng trong một số hoàn cảnh – vì nhằm đến một thiện ích lớn hơn – có thể bị tiêu hôn (*privilegium Paulinum/đặc ân Phaolô*). Trường hợp này không phải là một ngoại lệ của giáo huấn của Chúa. Tính bất khả phân ly của hôn nhân bí tích, tức là hôn nhân ở trong mầu nhiệm Chúa Kitô, vẫn được bảo toàn.

Cơ sở Thánh kinh có ý nghĩa hơn cho tính bí tích của hôn nhân nằm ở trong Thư gửi Tín hữu Êphêsô, trong đó có đoạn viết: "Người làm chồng, hãy yêu thương vợ, như chính Đức Kitô yêu thương Hội thánh và hiến mình vì Hội thánh" (*Ep* 5,25). Và ngay sau đó, thánh Phaolô nói thêm: "Chính vì thế người đàn ông sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Mầu nhiệm này thật là cao sâu. Tôi muốn nói về Đức Kitô và Hội thánh" (*Ep* 5,31–32). Hôn nhân kitô giáo là một dấu hữu hiệu của Giao ước giữa Đức Kitô và Hội thánh. Vì nó chỉ và thông ban ân sủng của Giao ước này, hôn nhân giữa những người đã chịu phép Rửa là một bí tích.

CHỨNG TỪ CỦA THÁNH TRUYỀN

Các giáo phụ và các Công đồng là những chứng từ quan trọng về tiến triển của cách nghĩ của Hội thánh. Đối với các giáo phụ, các giáo huấn Kinh Thánh về chủ đề này là có

tính ràng buộc. Các ngài loại bỏ các thứ luật li dị của Chính quyền xem như không phù hợp với giáo huấn của Chúa Giêsu. Hội thánh của các ngài loại bỏ li dị và tái hôn, và làm như thế vì muốn vâng phục Tin Mừng. Về vấn đề này, có sự đồng tâm nhất trí trong chứng từ của các giáo phụ.

Thời các giáo phụ, những tín hữu đã li di và tái hôn dân sự thì không thể được phép ngay cả nhận lãnh trở lại các bí tích sau một thời gian thống hối ăn năn. Tuy nhiên, một số bản văn của các giáo phụ dường như có ý nói rằng những lạm dụng không luôn luôn được chỉnh đốn nghiêm ngặt và đôi khi người ta cũng đi tìm những giải pháp mục vụ cho một số trường hợp ngoại biên rất hiếm hoi. Về sau này, người ta thấy xuất hiện tại nhiều nơi những thỏa hiệp lớn hơn, tình trạng này đặc biệt được xem như là hậu quả của việc Giáo Hội và Nhà nước ngày càng phụ thuộc nhau. Ở phía Đông, tình trạng này vẫn tiếp diễn theo chiều hướng ngày càng phóng khoáng trong các Giáo Hội, nhất là sau khi có sự li khai với Tòa thánh Phêrô. Trong các Giáo Hội Chính Thống ngày nay, có rất nhiều lí do để người ta có thể cho li dị, thường được biện minh bởi *tinh thần đại cuộc (oikonomia),* hay bởi lòng khoan dung mục vụ trong những trường hợp khó khăn cá nhân, và từ đó mở đường cho phép lập hôn phối thứ hai hoặc thứ ba, trong tinh thần sám hối. Thực hành như thế là không thể hòa hợp với thánh ý Thiên Chúa, như lời Chúa Giêsu dạy về hôn nhân là bất khả phân ly. Thế nhưng, đây cũng là vấn đề của đại kết giữa các Giáo Hội Kitô, mà chúng ta không được xem nhẹ.

Ở Tây Phương, cuộc cải cách do Đức giáo hoàng Grêgôriô phát động, chống lại những khuynh hướng tự do phóng khoáng này và đã có sáng kiến thúc đẩy tìm hiểu nguyên thủy của lời Kinh Thánh và các giáo phụ. Hội thánh Công

giáo bảo vệ hôn nhân tuyệt đối bất khả phân ly thậm chí với giá phải trả là sự hi sinh và đau khổ. Sự kiện "Giáo Hội Anh giáo" li khai, cắt đứt hiệp thông với Đấng Kế vị thánh Phêrô xảy ra không phải vì giáo thuyết khác biệt, mà vì Đức giáo hoàng, bởi vâng theo lời dạy của Chúa Giêsu, đã không thể đáp ứng yêu sách của vua Henry VIII đòi giải hôn phối cho ông.

Công đồng Trentô xác nhận giáo lý về bí tích hôn nhân bất khả phân ly và giải thích điều đó phù hợp với giáo huấn của Phúc âm (x. DH 1807). Đôi khi có người cho rằng Hội thánh trong thực tế (*de facto*) đã dung túng cách thực hành của Giáo Hội Đông phương. Nhưng điều đó không đúng. Các nhà chuyên môn Giáo luật vẫn thường xuyên coi đó là một sự lạm dụng. Bằng chứng là các nhóm Kitô hữu Chính Thống giáo khi trở lại Công giáo phải minh nhiên bày tỏ nhìn nhận những cuộc hôn phối thứ hai và thứ ba là bất thành sự.

Công đồng Vatican II, trong Hiến chế Mục vụ *Gaudium et spes* về "Hội thánh trong thế giới ngày nay", đã trình bày một giáo thuyết sâu sắc về mặt thần học và linh đạo. Giáo lý ấy bảo vệ một cách rõ ràng và minh bạch tính bất khả phân ly của hôn nhân. Hôn nhân được hiểu là một sự hiệp thông toàn diện đời sống và tình yêu, thể xác và tinh thần, giữa một người nam và một người nữ hiến thân cho nhau và đón nhận nhau như những nhân vị. Qua hành vi ưng thuận, bởi sự tự do cá nhân của hai người, dành cho nhau, mà một định chế thuộc trật tự thánh thiêng được thiết lập, định chế ấy nhằm tới thiện ích của đôi vợ chồng và con cái họ và không còn phụ thuộc vào ý muốn tùy tiện của con người: "Sự hợp nhất thân xác, hành vi tự hiến của hai người cho nhau, cũng như lợi ích của con cái, đòi buộc đôi vợ

chồng phải hoàn toàn trung tín và thúc đẩy họ kết hợp với nhau cách bất khả phân ly" (s. 48). Nhờ bí tích này Thiên Chúa phú ban ân sủng đặc biệt cho đôi vợ chồng: "Thật vậy, như xưa, Thiên Chúa đến với dân Ngài trong một giao ước yêu thương và trung thành, ngày nay, Đấng Cứu Thế, Phu Quân của Hội thánh, cũng đến với đôi vợ chồng qua bí tích Hôn Phối. Người còn ở lại với họ để hai vợ chồng mãi mãi trung thành yêu thương nhau bằng sự tự hiến cho nhau, như Người đã yêu thương Hội thánh và nộp mình vì Hội thánh". Nhờ bí tích này, hôn nhân bất khả phân ly đạt được một ý nghĩa mới và sâu xa hơn, đó là hôn nhân bí tích trở thành hình ảnh của tình yêu kiên trì của Thiên Chúa dành cho dân Ngài và của lòng trung tín mãi mãi của Chúa Kitô dành cho Hội thánh Người.

Chỉ có thể hiểu và sống hôn nhân như là bí tích trong bối cảnh của mầu nhiệm Chúa Kitô. Nếu hôn nhân bị thế tục hóa hay chỉ được nhìn như là một thực tại tự nhiên, thì tính bí tích của nó bị làm lu mờ đi. Hôn nhân bí tích thuộc về bình diện của ân sủng, được đưa vào trong mối hiệp thông dứt khoát của tình yêu giữa Chúa Kitô và Hội thánh Người. Kitô hữu được mời gọi sống cuộc hôn nhân của họ trong tầm của Nước Thiên Chúa đang đến trong Đức Giêsu Kitô, Ngôi Lời Thiên Chúa làm người.

CHỨNG TỪ CỦA HUẤN QUYỀN NGÀY NAY

Ngày 22 tháng 11 năm 1981 Đức giáo hoàng Gioan–Phaolô II ban hành Tông huấn hậu Thượng Hội đồng Giám mục về Gia đình Kitô hữu trong thế giới ngày nay, *Familiaris Consortio*, đây là một văn kiện Huấn quyền rất quan trọng và có tính nền tảng cho đến nay. Tông huấn xác nhận mạnh mẽ giáo huấn tín lí của Hội thánh về hôn nhân. Nhưng cũng

biểu lộ mối bận tâm mục vụ đối với tín hữu tái hôn dân sự, dẫu họ còn bị ràng buộc bởi một hôn nhân hợp pháp trong Giáo Hội. Đức giáo hoàng biểu lộ thái độ hết sức quan tâm và thông cảm đối với những người đang ở trong hoàn cảnh này. Số 84 của Tông huấn nói về "những người li dị tái hôn" đưa ra những tuyên bố chủ chốt như sau:

1. Vì lòng yêu mến sự thật, các vị mục tử phải biết rằng mình có bổn phận phải "phân biệt cẩn thận những tình cảnh khác nhau". Không được đánh giá mọi sự việc và mọi con người như nhau.

2. Các mục tử và cộng đoàn giáo xứ có nhiệm vụ giúp đỡ các tín hữu đang ở trong tình cảnh này với một "lòng bác ái ân cần". Họ vẫn thuộc về Hội thánh, họ vẫn có quyền được chăm sóc mục vụ và họ phải tham gia vào đời sống Hội thánh.

3. Tuy nhiên, họ không được rước lễ, vì hai lí do sau đây:

   a) "tình trạng của họ và điều kiện sống của họ mâu thuẫn một cách khách quan với sự hiệp thông yêu thương giữa Đức Kitô và Hội thánh, như nó vẫn được diễn tả và hiện tại hóa trong phép Thánh thể";

   b) "nếu chấp nhận cho những người ấy được rước lễ, điều đó sẽ khiến cho các tín hữu đi tới chỗ sai lạc, bối rối có thể hiểu lầm giáo lý của Hội thánh về hôn nhân bất khả phân ly". Việc giao hòa bằng bí tích thống hối, là bí tích mở đường cho đón nhận Thánh thể, chỉ có thể được ban cho những người biết hối hận về những gì đã để xảy ra và "thành tâm sẵn sàng chấp nhận một cách sống không còn mâu

thuẫn với sự bất khả phân ly của hôn nhân nữa". Cụ thể, điều này có nghĩa là khi vì những lí do hệ trọng, chẳng hạn như phải lo nuôi dạy con cái, mà người ta không thể giải tán sự kết hợp mới ấy, thì bấy giờ hai người phối ngẫu ấy "phải sống tiết dục hoàn toàn".

4. Cấm tuyệt đối tất cả các mục tử, vì những lí do thuộc bản chất bí tích và thần học và không bởi áp lực pháp lí, mà "cử hành bất cứ một thứ nghi thức nào" cho những người đã li dị tái hôn dân sự, chừng nào hôn phối bí tích thứ nhất vẫn còn hợp pháp.

Tuyên bố của Bộ Giáo lý Đức tin ngày 14.9.1994 về việc rước lễ của những tín hữu li dị tái hôn, nhấn mạnh rằng thực hành của Hội thánh về vấn đề này "không thể sửa đổi do các hoàn cảnh khác nhau" (số 5). Tuyên bố cũng nói rõ người tín hữu có liên quan đó không nên đi lên rước lễ vì được thúc đẩy bởi tiếng lương tâm của mình: "phán đoán thấy có thể làm như vậy, các cha xứ và các cha giải tội ... có bổn phận nghiêm ngặt khuyến cáo họ phán đoán theo lương tâm như thế thì công khai đối nghịch lại với giáo huấn của Hội thánh" (số 6). Nếu vẫn còn có sự hoài nghi về tính hợp pháp của một cuộc hôn nhân thất bại, thì cần phải nhờ đến các toà án hôn phối có thẩm quyền xét xử (x. số 9). Vấn đề này hiện vẫn là quan trọng bậc nhất, "với tình bác ái chăm lo phải làm mọi sự trong khả năng để làm sao củng cố trong tình yêu Chúa Kitô và Hội thánh những tín hữu trong hoàn cảnh trái qui tắc đó. Bởi thế họ chỉ có thể đón nhận trọn vẹn sứ điệp của hôn nhân Kitô giáo và trong đức tin họ kiên trì chịu đựng tình cảnh khốn khổ của họ. Trong mục vụ phải hết sức bảo đảm sao cho để người ta hiểu được đây không phải là vấn đề kì thị nhưng chỉ là trung thành tuyệt đối theo

ý muốn của Đức Kitô, Đấng đã khôi phục và giao phó cho chúng ta trở lại sự bất khả phân ly của hôn nhân như là một hồng ân của Đấng Tạo Hóa" (số 10).

Trong Tông huấn hậu Thượng Hội đồng *Sacramentum Caritatis* (Bí tích Tình yêu) ra ngày 22.2.2007, Đức Bênêđictô XVI đã tóm lược công trình của của Thượng Hội đồng Giám mục về đề tài Thánh thể và ngài đã triển khai đề tài xa hơn nữa. Trong đoạn số 29, ngài nói đến tình cảnh của những người tín hữu li dị tái hôn. Cũng thế, đối với đức Bênêđictô XVI, đây là một "vấn đề mục vụ phức tạp và nhiêu khê". Ngài xác nhận lại "thực hành của Hội thánh, vốn căn cứ trên Kinh Thánh (x. *Mc* 10,2–12), là không chấp nhận cho người li dị tái hôn lãnh nhận các bí tích", tuy nhiên ngài thúc đẩy các mục tử phải đồng thời "quan tâm tận lực cách đặc biệt" những người đang chịu tình cảnh ấy; với ước mong họ "sống đời Kitô hữu cách trọn vẹn nhất trong hoàn cảnh của họ qua việc tham dự thánh lễ đều đặn mà không rước lễ, lắng nghe Lời Chúa, chầu Thánh thể, cầu nguyện, tham gia vào đời sống chung của cộng đoàn, đối thoại chân thành với một linh mục, hay linh hướng, dấn thân làm việc bác ái xã hội, thực hành sám hối, tận tâm lo việc giáo dục con cái". Nếu vẫn còn có sự hoài nghi về tính hợp pháp của cuộc hôn nhân thất bại, thì cần phải nhờ đến các toà án hôn phối có thẩm quyền xét xử cẩn thận. Não trạng của con người ngày nay trong tầm mức rộng lớn thường nghịch lại với cách hiểu của Kitô giáo về hôn nhân, vốn được cho là bất khả phân ly và sẵn lòng đón nhận con cái. Do bị ảnh hưởng nhiều bởi cách suy nghĩ này, nhiều Kitô hữu ngày nay kết hôn một cách, mà có lẽ, thường vô hiệu nhiều hơn là trước đây, bởi lẽ họ thiếu một ước muốn thật sự có một cuộc hôn nhân phù hợp với giáo huấn Công giáo, và sống trong

các môi trường xã hội với bầu khí đức tin quá yếu ớt. Bởi thế, xác định một cuộc hôn phối có chính danh (validity) hay không là điều quan trọng và có thể giúp giải quyết vấn đề. Ở đâu cuộc hôn nhân cũ thất bại chưa được minh chứng là vô hiệu, yêu cầu để được lãnh nhận ơn tha thứ bí tích và được chịu lễ, phù hợp với thực hành vốn đã được Hội thánh lập ra và chấp thuận từ xưa nay, là đôi bạn phải sống "như bạn hữu, như anh em". Phải tránh làm mọi hành động hay cử hành chúc lành cho những đôi kết hợp trái qui tắc, "nếu không, các tín hữu có thể hoang mang và hiểu lầm về giá trị của hôn nhân". Lời chúc lành (*bene–dictio:* sự chuẩn nhận của Thiên Chúa) cho một mối quan hệ đi ngược thánh ý Chúa là một lời mâu thuẫn.

Trong bài giảng tại Cuộc hội ngộ các Gia đình Thế giới ở Milanô ngày 3.6.2012, Đức giáo hoàng Bênêđictô XVI một lần nữa có dịp để nói lên vấn đề đau đớn này: "tôi cũng phải nói một chút với những tín hữu, dù họ chấp nhận giáo huấn của Hội thánh về gia đình, đã đau đớn chịu phải một hôn nhân thất bại và đã li thân. Cha muốn các con biết rằng Đức giáo hoàng và Hội thánh nâng đỡ các con trong cuộc chiến đấu này. Cha khuyến khích các con hãy luôn gắn bó với cộng đoàn mình, và Cha chân thành hi vọng rằng giáo phận của các con đang phát triển những sáng kiến thích hợp để đón tiếp và đồng hành với các con".

Thượng Hội đồng Giám mục gần đây nhất về đề tài "Tân–Phúc–Âm–hóa để thông truyền đức tin Kitô giáo" (từ 7–28.10.2012) một lần nữa nói về hoàn cảnh của các tín hữu sau khi quan hệ hôn nhân thất bại (nhưng dây hôn phối vẫn còn vì là một bí tích) đã bước vào một quan hệ mới và sống chung không ràng buộc hôn phối bí tích. Trong Thánh lễ kết thúc, các Nghị phụ đã nói với những người trong hoàn

cảnh ấy như sau: “Chúng tôi muốn nói với tất cả các anh chị em đó rằng Thiên Chúa Tình Yêu không bỏ rơi bất cứ ai, Hội thánh cũng yêu thương họ, Hội thánh là một căn nhà tiếp đón tất cả mọi người, rằng họ vẫn là thành phần của Hội thánh cho dù họ không thể đón nhận bí tích Giải tội và Thánh thể”.

NHẬN ĐỊNH DỰA TRÊN CƠ SỞ NHÂN HỌC VÀ THẦN HỌC BÍ TÍCH

Con người trong bối cảnh thế tục hóa ngày nay thường không hiểu được giáo lý về một hôn nhân bất khả phân ly. Nơi đâu những trực giác cơ bản của đức tin Kitô giáo không còn nữa, thì việc gia nhập Hội thánh chỉ thuần túy có tính cách tập tục qui ước (văn hóa – xã hội) sẽ không thể đủ sức hướng định cho các quyết định quan trọng trong cuộc sống hay tạo một bệ đứng vững chắc giữa những khủng hoảng hôn nhân – cũng như những khủng hoảng trong đời linh mục và đời tu. Nhiều người đặt câu hỏi: làm sao mà tôi có thể gắn kết với một người đàn bà hay một người đàn ông suốt đời được? Ai có thể cho tôi biết cuộc hôn nhân của tôi sẽ như thế nào trong mười, hai mươi, ba mươi, bốn mươi năm nữa? Có thể có hay không một dây ràng buộc dứt khoát với một người nào đó hay không? Ngày nay có rất nhiều quan hệ hôn nhân bị đắm vỡ càng làm cho những người trẻ ngờ vực hơn nữa những chọn lựa cuộc sống có tính vĩnh viễn.

Đàng khác, lý tưởng – vốn được xây dựng trên bình diện sáng tạo – chung thủy giữa một người nam và một người nữ không hề mất đi sự hấp dẫn của nó, như những cuộc điều tra thăm dò ý kiến những người trẻ gần đây cho thấy. Hầu hết đều khao khát một mối quan hệ bền vững và lâu dài, gắn liền với bản tính thiêng liêng và luân lí của nhân vị. Hơn nữa, người ta cũng không được quên giá trị nhân học của

hôn nhân bất khả phân ly: giữ gìn những người phối ngẫu không bị rơi vào tình trạng sống theo tính khí thất thường và chỉ biết hành xử theo cảm tính của tâm trạng. Nó giúp họ tiếp tục tồn tại sau những khó khăn thử thách riêng tư và vượt thắng được những kinh nghiệm đau thương. Trên hết, nó bảo vệ các con trẻ, mà phần nhiều là nạn nhân gánh chịu nỗi bất công của tình trạng đổ vỡ gia đình.

Tình yêu là cái gì đó còn hơn cảm tính và bản năng. Bản chất của tình yêu là sự tự hiến. Trong tình yêu hôn nhân, hai người một cách ý thức và chủ ý nói với nhau: mãi mãi chỉ có anh (em) và chỉ có anh (em) mà thôi. Lời Chúa nói: "Điều Thiên Chúa đã kết hợp" tương ứng với lời hứa của đôi tân hôn: "Em nhận anh làm chồng ... Anh nhận em làm vợ ... để yêu thương và tôn trọng anh (em) mọi ngày suốt đời". Linh mục chúc lành cho giao ước đôi hôn phối kí kết với nhau trước mặt Thiên Chúa. Nếu có ai đó nghi ngờ liệu dây hôn phối có tồn tại hay không, xin hãy học biết Lời của Chúa sau đây: "Thuở ban đầu, Đấng Tạo Hóa đã làm ra con người có nam có nữ, và Người đã phán: 'Vì thế, người ta sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt'. Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt" (*Mt* 19, 4–6).

Đối với người Kitô hữu, hôn phối của những người đã được rửa tội, được gia nhập vào Thân Mình của Chúa Kitô, có tính bí tích và do đó, là một thực tại siêu nhiên. Một vấn đề mục vụ nghiêm trọng xuất hiện từ sự kiện: nhiều người ngày nay xét hôn nhân Kitô giáo chỉ theo những tiêu chuẩn thực tiễn và thế gian. Những người chỉ nghĩ theo 'thói thế gian' (*1Cr* 2,12) thì không thể hiểu được hôn nhân là một bí tích. Hội thánh không thể đáp ứng tình cảnh người ta ngày càng không hiểu được sự thánh thiêng của hôn nhân bằng

cách tự thay đổi để thích nghi với thực tế được cho là không thể tránh khỏi đó, nhưng chỉ bằng sự tin cậy vào "Thần Khí phát xuất từ Thiên Chúa, để nhận biết những ân huệ Thiên Chúa đã ban cho chúng ta" (*1Cr* 2,12). Hôn nhân bí tích là bằng chứng của quyền năng của ân sủng, quyền năng biến đổi con người và chuẩn bị cho toàn thể Hội thánh một Thành Thánh là Giêrusalem mới, là hình ảnh của Hội thánh được chuẩn bị sẵn sàng "như tân nương trang điểm để đón tân lang" (*Kh* 21,2). Tin Mừng về sự thánh thiện của hôn nhân phải được công bố như một lời ngôn sứ bộc trực. Khi chạy theo tinh thần của thời đại, một ngôn sứ mệt mỏi đi tìm sự cứu vớt riêng cho mình mà không tìm ơn cứu độ của thế giới trong Đức Giêsu Kitô. Trung thành với lời ưng thuận hôn nhân là một dấu chỉ tiên tri của ơn cứu độ Thiên Chúa ban cho thế giới. "Ai hiểu được thì hiểu" (*Mt* 19,12). Nhờ ân sủng bí tích, tình yêu hôn nhân được thanh luyện, được củng cố cho kiên vững và nên cao trọng. "Vì được kết ước từ sự tin tưởng lẫn nhau và nhất là vì đã được thánh hiến bởi bí tích của Chúa Kitô, nên tình yêu ấy, khi thịnh vượng cũng như lúc gian nan, luôn trung thành bất khả phân ly cả nơi thân xác lẫn trong tâm hồn, và do đó loại hẳn mọi hình thức ngoại tình và li dị" (*Gaudium et spes,* 49). Trong sức mạnh của bí tích hôn phối, đôi vợ chồng tham dự vào tình yêu của Thiên Chúa, một tình yêu dứt khoát và chắc chắn không thu hồi. Bởi thế, họ có thể là chứng nhân của tình yêu trung thành của Thiên Chúa, nhưng họ phải nuôi dưỡng tình yêu của mình thường xuyên nhờ sống bằng đức tin và đức mến.

Phải nhìn nhận thực tế có những hoàn cảnh – mà mọi mục tử đều biết – trong đó vợ chồng hầu như không thể sống chung được nữa bởi những lí do khá thuyết phục, chẳng

hạn như vì lí do bạo hành về thể lí hay tâm lí. Trong những trường hợp khó khăn như thế, Hội thánh luôn cho phép đôi bạn li thân và không sống chung với nhau nữa. Dẫu thế, phải nhớ rằng dây hôn phối được thiết lập hợp pháp vẫn còn nguyên vẹn trước mặt Thiên Chúa, và các cá nhân đôi bên không được tự do kết ước cuộc hôn nhân mới, chừng nào người phối ngẫu kia còn sống. Vì thế, các mục tử và cộng đoàn Kitô hữu còn phải cất công tiến hành đi hòa giải những trường hợp này, hoặc nếu như không thể được, giúp đỡ những người liên quan chấp nhận hoàn cảnh khó khăn ấy trong đức tin.

NHẬN ĐỊNH DỰA TRÊN THẦN HỌC LUÂN LÝ

Một điều thường xuyên được đề nghị là nên cho phép những người li dị tái hôn tự quyết định, theo lương tâm họ, có thể được rước lễ (hay hiệp lễ) hay không. Luận cứ dựa trên khái niệm "lương tâm" vốn vẫn còn gây bàn cãi này đã bị Bộ Giáo lý Đức tin, qua một văn kiện năm 1994, bác bỏ. Dĩ nhiên là người tín hữu phải xét mình mỗi khi tham dự thánh lễ xem họ có được rước lễ hay không, và một tội nghiêm trọng mà chưa được xưng thú và xá giải luôn là một ngăn trở cho việc hiệp lễ. Đồng thời họ có nghĩa vụ đào tạo lương tâm mình và để lương tâm được thông hiểu sự thật. Muốn thế họ còn phải lắng nghe Huấn quyền của Hội thánh. Huấn quyền sẽ giúp họ "không đi chệch ra khỏi những thiện hảo thật của con người, hơn thế nữa, nhất là giúp họ, trong những vấn đề khó khăn hơn, hiểu biết được chân lý cách chắc chắn và sống chân lý ấy" (*Veritatis splendor*, 64). Nếu một người đã li dị tái hôn tin tưởng cách chủ quan trong lương tâm mình rằng cuộc hôn nhân trước của mình là vô hiệu (invalid), thì điều ấy còn cần phải được tòa án hôn phối có thẩm quyền xác nhận cách khách quan. Hôn ước không đơn thuần chỉ là

quan hệ giữa hai người với Chúa, nó còn là một thực tại của Hội thánh, một bí tích, và sự quyết định tính hiệu lực của nó không thuộc về các cá nhân đương sự mà thuộc về Hội thánh, Thân thể huyền nhiệm của Chúa Kitô mà họ gia nhập vào nhờ đức tin và phép Rửa. "Nếu cuộc hôn nhân trước của hai người tín hữu đã li dị tái hôn mà có hiệu lực, thì dù trong hoàn cảnh nào đi nữa sự kết hợp mới của họ cũng không thể được xem là hợp pháp, và do đó tự nó việc lãnh nhận các bí tích là không thể được. Lương tâm của cá nhân bị ràng buộc bởi luật này mà không có trường hợp ngoại lệ" (Hồng y Joseph Ratzinger, "Phải thiết lập hướng mục vụ cho hôn nhân dựa trên sự thật", *L'Osservatore Romano,* bản tiếng Anh, ngày 7.12.2011, tr. 4).

Giáo huấn về *epikeia* – theo đó một luật có thể nói chung là có hiệu lực nhưng không phải bao giờ cũng áp dụng được cho mọi hoàn cảnh cụ thể – có lẽ không được viện dẫn ở đây, bởi lẽ trong trường hợp của sự bất khả phân ly của hôn nhân bí tích, chúng ta đang chạm tới một thiên luật (luật do chính Chúa thiết lập) mà Hội thánh không được tùy tiện áp dụng. Tuy nhiên – như chúng ta thấy trường hợp của đặc ân thánh Phaolô (*privilegium Paulinum*) – Hội thánh có thẩm quyền giải thích rõ hơn những điều kiện phải được hoàn tất để một cuộc hôn nhân bất khả phân ly, như lời Chúa Giêsu dạy, thành hiện thực. Trên cơ sở đó, Hội thánh đã xác định những ngăn trở (impediments) hôn phối, Hội thánh cũng đã nhận ra những lí do khiến tiêu hôn (annulment = hôn nhân chưa thành sự), và triển khai một tiến trình cụ thể chi tiết để điều tra những lí do này.

Một trường hợp khác có thể chấp nhận cho những người lí dị tái hôn được lãnh nhận các bí tích dưới hình thức vì lòng từ bi hay thương xót. Vì chính Chúa Giêsu đã biểu lộ sự liên

đới với nỗi đau khổ và đổ tràn từ bi bác ái trên những người đó, cho nên lòng từ bi được cho là phẩm chất đặc trưng của người môn đệ đích thực của Người. Điều này đúng, nhưng không trúng mục đích khi được chấp nhận như một luận cứ trong lãnh vực thần học bí tích. Toàn thể nhiệm cuộc bí tích là một công trình của Lòng thương xót của Chúa và nó không thể đơn giản bị hất ra rìa chỉ bởi một sự khẩn cầu đến lòng thương xót. Một khẩn cầu lòng thương xót sai trái về mặt khách quan thì cũng có nguy cơ tầm thường hóa hình ảnh của Thiên Chúa, với hàm ý rằng Thiên Chúa không thể không tha thứ. Mầu nhiệm Thiên Chúa không chỉ bao hàm Lòng thương xót của Ngài mà còn bao hàm cả sự thánh thiện và công minh của Ngài nữa. Nếu người nào phải loại bỏ đi những đặc tính này của Thiên Chúa và coi thường tội lỗi, rốt cuộc họ cũng sẽ không thể mang đến cho ai lòng từ bi hay thương xót của Ngài. Chúa Giêsu gặp gỡ người phụ nữ phạm tội ngoại tình với tấm lòng hết mức chạnh thương, nhưng Người đã nói với chị ta, là "hãy đi và *đừng phạm tội* nữa" (*Ga* 8,11). Lòng thương xót của Chúa không miễn cho chúng ta tuân giữ các giới răn của Ngài hoặc luật lệ của Hội thánh. Nhưng đúng hơn, tình thương ấy tiếp thêm cho chúng ta ân sủng và sức mạnh để chu toàn giới luật, để chụp bắt chúng ta và nâng dậy sau khi sa ngã, và sống đời mình cách viên mãn theo hình ảnh của Cha chúng ta trên trời.

VIỆC CHĂM SÓC MỤC VỤ

Cho dẫu không thể chấp nhận cho những người li dị tái hôn lãnh nhận các bí tích, trong tầm nhìn của bản chất vấn đề, chúng ta càng bị thúc bách phải bày tỏ quan tâm mục vụ hơn nữa cho những thành phần tín hữu này, chỉ dẫn họ cách rõ ràng hướng đến cái mà thần học mạc khải và Huấn quyền phải nói. Con đường Hội thánh chỉ dẫn không dễ đi đối với

những người có liên lụy. Thế nhưng họ nên biết và thấy rằng Hội thánh như một cộng đoàn cứu độ đồng hành che chở họ trên hành trình đời sống của mình. Trong tầm mức xa nhất các bên cố gắng hiểu đường lối thực hành của Hội thánh và kiêng khem việc rước lễ, họ đã trao ban một chứng từ của riêng họ cho tính bất khả phân ly của hôn nhân.

Hiển nhiên, việc chăm sóc mục vụ cho những người li dị tái hôn không được giản lược chỉ còn là vấn đề có được xưng tội rước lễ hay không. Nó gắn liền với một hướng mục vụ với tầm rộng lớn hơn nhiều, trong đó ta tìm cách thực thi công lí cho các hoàn cảnh khác nhau. Điều quan trọng là phải nhìn nhận có những cách khác, ngoài việc hiệp thông bí tích, để sống giao hảo với Thiên Chúa. Người ta có thể đến gần Chúa bằng cách trở về với Ngài trong niềm tin, cậy và mến, trong hoán cải và cầu nguyện. Thiên Chúa có thể vẫn thân tình và ban ơn cứu độ cho chúng ta bằng nhiều cách khác nhau, cho dẫu ta thấy mình đang ở trong một tình cảnh sống mâu thuẫn. Như các văn kiện Huấn quyền gần đây đã nhấn mạnh, các mục tử và cộng đoàn Kitô hữu được kêu gọi hãy tiếp đón những người trong tình cảnh trái qui tắc một cách cởi mở và chân thành, hãy hỗ trợ họ với thiện cảm và cách hữu hiệu, giúp họ khám phá ra tình thương của Chúa là Mục Tử Nhân Lành. Nếu việc chăm sóc mục vụ đâm rễ sâu từ chân lý và tình yêu thương, ta sẽ khám phá những lối đi đúng đắn và những phương pháp tiếp cận luôn luôn mới mẻ. ✠